

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/12/2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Tươi
- Ông Nguyễn Ngọc Ân

- T ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân – T ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 287/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Thành T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp 6, xã Th, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Bà Phan Thị Minh Th, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp 6, xã Th, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Thành T trình bày:

Ông và bà Phan Thị Minh Th tự quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 2004 đã xác lập quan hệ vợ chồng; ông bà có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Long An ngày 02/01/2004. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại Ấp 6, xã Th, huyện B, tỉnh Long An và có cuộc sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Hiện nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị Minh Th.

Về con chung: Ông và bà Phan Thị Minh Th có 02 con chung là Võ Thị Cẩm H , sinh ngày 14/01/2003 và Võ Thành D , sinh ngày 12/3/2006; hiện nay các con chung đều đã thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phan Thị Minh Th: Bà Phan Thị Minh Th vắng mặt, không cung cấp cho Tòa án ý kiến trình bày cũng như tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Ông Võ Thành T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Phan Thị Minh Th vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Võ Thành T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Minh Th, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Ông Võ Thành T có yêu cầu khởi kiện đối với bà Phan Thị Minh Th, xác định ông Võ Thành T là nguyên đơn, bà Phan Thị Minh Th là bị đơn.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo căn cứ tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông Võ Thành T và bà Phan Thị Minh Th đã xác lập quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B , tỉnh Long An vào ngày 02/01/2004 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn ông T trình bày, vợ chồng ông chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Hiện nay, ông xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục được nên yêu cầu được ly hôn với bà T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành

tổng đạt cho bà Phan Thị Minh Th các văn bản tố tụng để bà T biết và thực hiện quyền của mình. Tuy nhiên, bà T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông T , không thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T .

[2.2] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của ông T cùng các chứng cứ do ông T cung cấp thể hiện ông T và bà T có 02 con chung là Võ Thị Cẩm H , sinh ngày 14/01/2003 và Võ Thành D , sinh ngày 12/3/2006, hiện nay đều đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không tranh chấp tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, bị đơn bà T vắng mặt, cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Võ Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 và 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành T về việc “Ly hôn” đối với bà Phan Thị Minh Th:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Võ Thành T được ly hôn với bà Phan Thị Minh Th.

2. Về án phí: Ông Võ Thành T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông Võ Thành T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007689 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An, ông Võ Thành T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã T, huyện Bến Lức, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy

